

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 769/QĐST-DS, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc M, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện A, Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện A, Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn B, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc M trình bày:

Chị M và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, anh B chơi bời, lơ đãng dẫn đến nợ nần một số tiền lớn. Vợ chồng nhiều lần cãi nhau căng thẳng. Chị M đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng từ tháng 7 năm 2022, vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau. Chị M xác định không còn tình cảm với anh B và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Về con chung: Chị M và anh B có 02 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 và Bùi Hoàng L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017. Chị M đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Bùi Văn B thống nhất như chị M trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Theo anh B vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2022 do anh chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Tuy nhiên anh B tự trả nợ. Anh B nhận thức việc chơi bời dẫn đến nợ nần là sai trái, anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị M để xin lỗi và đón mẹ con chị M về chung sống với anh nhưng chị M kiên quyết không về. Anh B tha thiết xin chị M cho cơ hội để anh B sửa sai. Chị M có đơn xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn, anh đề nghị tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Về con chung: Anh B thống nhất vợ chồng có hai con chung, họ tên tuổi các con như chị M trình bày. Trường hợp ly hôn anh nhận nuôi con Bùi Hoàng L, chị M nuôi con Bùi Hoàng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh B không thực quyền và nghĩa vụ theo quy định các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị M được ly hôn anh B; về con chung: Giao con Bùi Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 và Bùi Hoàng L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017 cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B. Về

tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh B. Anh B có nơi cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2007 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, anh B chơi bời, lơ đãng, cờ bạc dẫn đến nợ nần một số tiền lớn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị M đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2022. Vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Địa phương và gia đình chị M, anh B cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh B đã trầm trọng. Bản thân anh B cũng xác nhận việc anh B chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Chị M có đơn xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh B có 02 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 và Bùi Hoàng L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017. Chị M yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, phía anh B đề nghị được nuôi con Bùi Hoàng L, chị M nuôi con Bùi Hoàng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét từ khi chị M và anh B sống ly thân các con đều ở với chị M, con Bùi Hoàng N trên bảy tuổi có đơn đề nghị ở với mẹ, con Bùi Hoàng L còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, hiện nay chị M làm công nhân có thu nhập ổn định, mẹ con chị M ở cùng bố mẹ đẻ chị có nơi ở rộng rãi, có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị M chăm sóc các con. Anh B thừa nhận bản thân anh còn đang phải trả nợ do vay chơi cờ bạc nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét

xử giao con Bùi Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 và Bùi Hoàng L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017 cho chị M nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh B đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chị Phạm Thị Ngọc M được ly hôn anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Giao con Bùi Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 và Bùi Hoàng L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017 cho chị Phạm Thị Ngọc M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Văn B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Ngọc M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001270 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải